TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM ĐỘNG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2019/QĐST-HNGĐ.	Kim Động, ngày 25 tháng 01 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/01/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức D - Sinh năm 1990.

2. Bị đơn: Chị Trịnh Thị M - Sinh năm 1991.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Nguyễn Thị D - Sinh ngày 29/01/2012.

+ Cháu Nguyễn Thị G - Sinh ngày 30/6/2013.

Đều HKTT: Thôn T - xã H - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

4. Những người đại diện theo pháp luật cho cháu D và cháu G: Anh Nguyễn Đức D và chị Trịnh Thị M.

- Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Căn cứ vào Điều 51, 55, 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17/01/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Đức D và chị Trịnh Thị M.

II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ vợ chồng: Anh Nguyễn Đức D và chị Trịnh Thị M đều nhất trí thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Anh D và chị M đều xác định quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị D, sinh ngày 29/01/2012 và cháu Nguyễn Thị G, sinh ngày 30/6/2013. Hiện nay cháu D đang ở cùng với anh D còn cháu G đang ở cùng với chị M. Anh D và chị M thỏa thuận, giao anh D được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu D đến tuổi thành niên, chị M được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu G đến tuổi thành niên, các bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh D và chị M được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung; Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác: Anh D và chị M sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau, anh chị tự nguyện không đề nghị Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Chị M nhất trí để anh D tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số:

AA/2016/0001512 ngày 03/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Trả lại anh Nguyễn Đức D 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

- Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKS + THA huyện;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Tiến Lũng